

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 13 - 3 - 2023

V/v tranh chấp Hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Văn Vĩnh**.

2. Bà **Trần Thị Phương Anh**.

- *Thư ký Pên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nhựt**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia Pên tòa:* Ông **Hà Chí Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Dương Văn Đ**, sinh ngày 01/01/1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Điền, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0396.048.226.

2. Đồng Bị đơn:

2.1. Chị **Dương Thị S** (Dương Thị B), sinh năm 1972 (vắng mặt).

2.2. Anh **Lê Thanh P**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn Điền, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0333.255.884.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Phan Thị H**, sinh ngày 01/01/1982.

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Điền, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Dương Văn Đ**, sinh ngày 01/01/1976. Địa chỉ: Ấp Nguyễn Điền, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0396.048.226 (văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2022 và lời khai tại Tòa án, ông Dương Văn Đ là nguyên đơn trình bày: Vợ chồng anh là anh Dương Văn Đ và chị Phan Thị H có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do vợ chồng anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S (tên thường gọi là Dương Thị B) làm chủ, hụi gồm 35 chân, có bao nhiêu người chơi thì anh không rõ, khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 29 âm lịch hàng tháng, hụi bắt đầu khai từ ngày 29/07/2019 âm lịch. Anh tham gia 01 chân với tên là Số Bi.

Hụi khai được 30 kỳ, thì ngưng do chủ hụi không khai nữa và né tránh. Trong 30 kỳ hụi đã khai, anh không nhớ rõ thứ tự của những lần khai, nhưng anh xác định được số tiền hụi người chơi hụi đã bỏ và số tiền hụi anh đóng cụ thể như sau: Căn cứ vào danh sách hụi viên mà khi chơi hụi, chủ hụi đã giao cho anh, những người đã hót hụi có tên trong danh sách là: Tú Nguyên bỏ 330.000 đồng, anh đã đóng 670.000 đồng; Cường Nước bỏ 280.000 đồng, anh đã đóng 720.000 đồng; Thi bỏ 310.000 đồng, anh đã đóng 690.000 đồng; Nguyễn bỏ 360.000 đồng, anh đóng 640.000 đồng; Giào bỏ 280.000 đồng, anh đã đóng 720.000 đồng; Giào bỏ 360.000 đồng, anh đã đóng 640.000 đồng; 8 Mai bỏ 350.000 đồng, anh đóng 650.000 đồng; Số Hòn bỏ 600.000 đồng, anh đóng 400.000 đồng; Liệt bỏ 540.000 đồng, anh đã đóng 460.000 đồng; Út Đăng bỏ 1.000.000 đồng, anh không có đóng; Chắc bỏ 330.000 đồng, anh đóng 670.000 đồng; Út Hồng bỏ 450.000 đồng, anh đóng 550.000 đồng; Vũ Em bỏ 1.000.000 đồng, anh không có đóng; Năm Trường bỏ 360.000 đồng, anh đóng 640.000 đồng; Hia 9 Thắng bỏ 340.000 đồng, anh đóng 660.000 đồng; Tiền Số Tư Thuận bỏ 340.000 đồng, anh đóng 660.000 đồng; Phượng-Phận bỏ 360.000 đồng, anh đóng 640.000 đồng; Phượng-Phận bỏ 380.000 đồng, anh đóng 620.000 đồng; Tiên Tung bỏ 450.000 đồng, anh đóng 550.000 đồng; Hoàng Xe Đầu bỏ 360.000 đồng, anh đóng 640.000 đồng; Thiêm 7 Liêm bỏ 620.000 đồng, anh đóng 380.000 đồng; Tư Lưỡng bỏ 800.000 đồng, anh đóng 200.000 đồng; Vũ Anh bỏ 650.000 đồng, anh đóng 350.000 đồng; Thanh Tuyên bỏ 380.000 đồng, anh đóng 620.000 đồng; Bình bỏ 400.000 đồng, anh đóng 600.000 đồng; Huyền Trân bỏ 540.000 đồng, anh đóng 460.000 đồng; Chị Vợ Bình bỏ 400.000 đồng, anh đóng 600.000 đồng; Chị Vợ Bình bỏ 900.000 đồng, anh đóng 100.000 đồng; Nguyễn bỏ 370.000 đồng, anh đóng 630.000 đồng; Cường Nước bỏ 340.000 đồng, anh đóng 660.000 đồng.

Trước đây trong đơn khởi kiện của anh, anh yêu cầu chị Dương Thị S và anh Lê Thanh P trả cho anh và chị H số tiền hụi 17.000.000 đồng là trong đó có 15.820.000 đồng tiền hụi anh thực đóng (hụi sống), số tiền còn lại là tiền lãi (0,83%/tháng).

Nay, anh yêu cầu chị Dương Thị S và anh Lê Thanh P trả cho anh số tiền hụi vốn đã đóng 30 kỳ là 15.820.000 đồng, yêu cầu trả lãi từ lúc đình hụi (29/12/2021 âm lịch) đến nay (13/3/2023 dương lịch) là 13 tháng 23 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.807.626 đồng. Tổng số tiền hụi và lãi mà anh P, chị S phải trả cho vợ chồng anh tính đến ngày 13/3/2023 là 17.627.626 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 14/3/2023 cho đến khi trả hết số tiền hụi cho anh.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về Pên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn Pên tòa hợp lệ cho anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S.

Nhưng anh P hoàn toàn vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án. Riêng chị S tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2023 trình bày như sau: Vợ chồng anh Dương Văn Đ và chị Phan Thị H có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do vợ chồng anh Lê Thanh P và chị Dương Thị S (Dương Thị B) làm chủ, hụi gồm 35 chân, có 31 người chơi, khui mỗi tháng 01 lần vào ngày 29 âm lịch hàng tháng, hụi bắt đầu khui từ ngày 29/07/2019 âm lịch. Anh Đ, chị H tham gia 01 chân với tên là Số Bi. Hụi khui đến kỳ 25 thì một số hụi viên không đóng, chị chàng đến hết kỳ 30, kỳ 31 chị không còn khả năng chàng hụi nên tuyên bố đình hụi. Quá trình khui hụi 30 kỳ như anh Đ trình bày là đúng. Chị đồng ý trả cho anh Đ số tiền hụi vốn là 15.820.000 đồng, trả lãi từ lúc đình hụi (29/12/2021 âm lịch) đến nay (29/12/2022 âm lịch) là 12 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.573.680 đồng. Đồng thời trả lãi từ ngày 30/12/2022 âm lịch trên số tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh P, chị S phải trả cho anh Đ, chị H số tiền hụi vốn là 15.820.000 đồng, trả lãi từ lúc đình hụi đến nay (13/3/2023) là 13 tháng 23 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng với số tiền lãi phải trả là 1.807.626 đồng. Đồng thời trả lãi từ ngày 14/3/2023 trên số tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Dương Văn Đ khởi kiện anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S yêu cầu thanh toán tiền hụi là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hiện anh P, chị S đang cư trú tại ấp Nguyễn Điền, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Quá trình xác minh, chị Dương Thị B tên trong giấy tờ là Dương Thị S (bút lục 43). Do nhầm lẫn, trong đơn khởi kiện anh Dương Văn Đ ghi tên bị đơn chị Dương Thị B. Nay, anh xác định anh khởi kiện chị Dương Thị S (tên thường gọi Dương thị B), nên cần xác định nhân thân đúng của bị đơn tên Dương Thị S (tên gọi khác: Dương Thị B).

[2.2] Anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn Pên tòa của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Kể từ khi thụ lý đến nay, anh P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, anh P và chị S cũng không đặt ra yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay cả anh P và chị S đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Giao dịch hui giữa anh Dương Văn Đ với anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S là tự nguyện, được các bên thừa nhận. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận giao dịch hui giữa các đương sự có thật và hợp pháp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh P đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh P vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của anh Đ. Điều này cho thấy anh P đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của anh, mọi hậu quả pháp lý bất lợi anh phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023, anh Dương Văn Đ trình bày anh và chị Phan Thị H có tham gia chơi hui cho vợ chồng anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S làm chủ dây hui tháng 1.000.000 đồng, hui gồm 35 phân, có 31 hui viên tham gia, hui khai vào ngày 29/7/2019 âm lịch. Quá trình chơi hui được mở 30 kỳ, đến kỳ thứ 31 (nhằm ngày 29/12/2021 âm lịch) thì đình hui, do anh P, chị S không có khả năng đóng hui thay các hui viên đã hót (hui chết) (bút lục 31-32). Nay anh Đ yêu cầu chị S, anh P trả số tiền hui gốc đã đóng là 15.820.000 đồng. Chị Dương Thị S thừa nhận nợ hui và đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh Đ (bút lục 46). Đồng thời cũng phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Lương, chị Huỳnh Thị Tiên là những hui viên trong cùng dây hui (bút lục 44-45). Xét việc thừa nhận của các bên là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Quá trình chơi hui của vợ chồng anh Đ, chị H với anh P, chị Bạch được diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, các đương sự đều là người lao động có thu nhập thấp, tiền tích lũy dùng vào việc chơi hui nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, anh Đ yêu cầu anh P và chị S cùng có trách nhiệm trả số tiền hui là có căn cứ, theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.5] Đối với yêu cầu tính lãi: Đình hui được diễn ra vào ngày 29/12/2021 âm lịch, số tiền hui anh P, chị S phải trả lại cho anh Đ là 15.820.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh P, chị S không trả. Nay, anh Đ yêu cầu anh P, chị S phải trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn anh Đ yêu cầu tính tròn là 13 tháng 23 ngày (từ ngày 29/12/2021 âm lịch đến ngày 13/3/2023 dương lịch), cụ thể: 15.820.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 23 ngày = 1.807.626 đồng. Chị S đồng ý (bút lục 46). Xét sự tự nguyện của các bên phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, bêu, phường, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Từ phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Thanh P và chị Dương Thị S hoàn trả cho anh Dương Văn Đ và chị Phan Thị H số tiền hui vốn 15.820.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/3/2023 là 1.807.626 đồng, theo

quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, bêu, phường, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

[4.1] Do yêu cầu khởi kiện của anh Đ được chấp nhận, nên anh P, chị S phải chịu án phí đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán $17.627.626 \text{ đồng} \times 5\% = 881.381 \text{ đồng}$, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.2] Anh Đ không phải chịu án phí, đã dự nộp 456.747 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001293 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự, nên được hoàn lại toàn bộ, theo quy định khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại Pên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm e khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, bêu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Đ đối với anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S về yêu cầu thanh toán tổng số tiền 17.627.626 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng), trong đó tiền hội vốn 15.820.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), lãi phát sinh là 1.807.626 đồng (Một triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

2. Buộc anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S có trách nhiệm thanh toán cho anh Dương Văn Đ, chị Phan Thị H tổng số tiền 17.627.626 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng), trong đó tiền hội vốn 15.820.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), lãi phát sinh là 1.807.626 đồng (Một triệu tám trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày 14/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ, anh Lê Thanh P, chị Dương Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (số tiền gốc 15.820.000 đồng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Anh Lê Thanh P và chị Dương Thị S phải chịu số tiền 881.381 đồng (Tám trăm tám mươi một ngàn ba trăm tám mươi một đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Anh Dương Văn Đ được hoàn lại 456.747 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001293 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (13/3/2023). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí